TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 15/02/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2024, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Hầu Thị Ngọc T, sinh năm 1995

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1991.

Cùng trú tại: thôn Tân Thành, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hầu Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 14/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống ở thôn Tân Thành, xã M, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường. Từ năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh Đ sống ly thân từ đầu năm

2019 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 14/10/2018, hiện nay cháu L đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị xác định, chị và anh Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh Đ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Chị T có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị Ngọc T, xử cho Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 14/10/2018 cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Nguyễn Tiến Đ hiện đang cư trú, sinh sống tại xã M, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị Ngọc T, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đ đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị T và anh Đ kết hôn từ năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn Tân Thành, xã M, huyện Y. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Bản thân Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh Đ cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị T và anh Đ đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đ cũng được chính người thân trong gia đình thừa nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 14/10/2018, hiện cháu L đang ở cùng Chị T. Anh Đ giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Bản thân Chị T có nguyện vọng được nuôi con, Chị T là giáo viên mầm non thu nhập ổn định theo ngân sách nhà nước, có chỗ ở ổn định. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Chị T thì Toà án nên giao cháu L cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị T là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai chung: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về công nợ chung: Chị T xác định không có.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Tiến Đ về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hầu Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 14/10/2018 cho chị Hầu Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Hầu Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000802216 ngày 23/11/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Tiến Đ không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã M (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ - Lộc Thị Kim Thơm Nguyễn Văn Toàn